Một số vấn đề về thương mại giữa Việt Nam và Trung Quốc

ĐÀO MẠNH NINH*

Trung Quốc và Việt Nam là hai nước láng giềng có chung đường biên giới trên bộ dài 1.281km, có quan hệ nhiều mặt, lâu đời, truyền thống. Trong đó, quan hệ thương mại giữa hai nước ngày càng gia tăng mạnh mẽ và ảnh hưởng nhiều mặt đến tiến trình phát triển kinh tế - xã hội của cả hai bên. Tuy nhiên, từ năm 2015 đến nay, cán cân thương mại giữa hai nước luôn thâm hụt, theo chiều hướng bất lợi cho Việt Nam. Vì vậy, cần tìm hiểu và xác định rõ thực trạng, các nguyên nhân nhập siêu chủ yếu của Việt Nam từ Trung Quốc. Từ đó, tìm ra những giải pháp phù hợp, kịp thời, toàn diện từ phía Chính phủ và các cơ quan quản lý nhà nước nhằm giảm nhập siêu từ Trung Quốc và kiểm soát, điều chỉnh cán cân xuất - nhập khẩu giữa Việt Nam và Trung Quốc trong những năm tiếp theo.

THỰC TRẠNG THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC

Tình hình xuất khẩu hàng hóa sang Trung Quốc

Về quy mô và tăng trưởng xuất khẩu

Trong những năm gần đây, xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc có xu hướng tăng liên tục với nhịp độ khá nhanh. Tổng hợp số liệu từ Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan cho thấy, trong giai đoạn 2005-2015, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam sang Trung Quốc tăng nhanh, từ 3,23 tỷ USD năm 2005 lên 35,463 tỷ USD năm 2017, tương ứng tăng 10,98 lần, nhịp độ tăng trưởng bình quân đạt 15,99%/năm (trong khi tốc độ tăng trung bình của tổng kim ngạch xuất khẩu của cả nước trong cùng kỳ là 13,61%/năm) (Bảng 1). Trong năm 2017, Trung Quốc tiếp tục là thị trường xuất khẩu lớn thứ 3 của Việt Nam (sau Hoa Kỳ và EU) (nếu tính theo từng quốc gia và vùng lãnh thổ thì Trung Quốc đứng thứ 2 sau Hoa Kỳ), tỷ trọng xuất khẩu sang Trung Quốc tiếp tục tăng trong tổng kim ngạch xuất khẩu hàng hóa của Việt Nam.

Về cơ cấu xuất khẩu

Cơ cấu mặt hàng xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc chủ yếu vẫn là 03 nhóm hàng: (1) nông, lâm, thủy hải sản; (2) hàng công nghiệp chế biến; (3) khoáng sản. Những mặt hàng có kim ngạch xuất khẩu lớn bao gồm: điện, thiết bị điện tử; nhiên liệu khoáng dầu, ngũ cốc, cao su và các sản phẩm từ cao su, gỗ và các sản phẩm từ gỗ, hoa quả, giầy dép, cá và động vật giáp xác, nhựa và các sản phẩm từ nhựa; hàng may mặc và phụ kiện; cà phê, chè và các loại gia vị; một số loại khoáng sản...

Cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc cho thấy, mặc dù giá trị xuất khẩu tăng đều, nhưng hàng hóa tập trung chủ yếu ở nhóm hàng trung gian (nhiên liệu thô, khoáng sản, cao su...), tiêu dùng (rau quả các loại, gia súc, gạo...), xăng dầu. Cơ cấu này không mang lại hiệu quả cao cho xuất khẩu của Việt Nam, do các sản phẩm xuất khẩu có giá trị gia tăng thấp. Mặt khác, xuất khẩu một lượng lớn các loại hàng hóa này sang Trung Quốc có thể ảnh hưởng

BẢNG 1: KIM NGẠCH XUẤT KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM SANG TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2005-2017

Năm	Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (triệu USD)	Kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc (triệu USD)	Tỷ lệ xuất khẩu sang Trung Quốc/Tổng kim ngạch xuất khẩu của Việt Nam (%)
2005	32.447,1	3.228,1	9,95
2006	39.826,2	3.242,8	8,14
2007	48.561,4	3.646,1	7,51
2008	62.685,1	4.850,1	7,74
2009	57.096,3	5.403,0	9,46
2010	72.236,7	7.742,9	10,72
2011	96.905,7	11.613,3	11,98
2012	114.529,2	12.836,0	11,21
2013	132.032,9	13.177,7	9,98
2014	150.042,0	14.930,9	9,95
2015	162.110,0	17.140,0	10,57
2016	176.630,0	21.970,0	12,40
2017	214.010,0	35.463,0	16,57

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

* TS., Khoa Cơ bản 1, Học viện Công nghệ Bưu chính Viễn thông

BẢNG 2: KIM NGẠCH NHẬP KHẨU HÀNG HÓA CỦA VIỆT NAM TỪ TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2005-2017

Năm	Tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam (triệu USD)	Kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc (triệu USD)	Tỷ lệ nhập khẩu từ Trung Quốc/Tổng kim ngạch nhập khẩu của Việt Nam (%)
2005	36.761,1	5.899,7	16,05
2006	44.891,1	7.391,3	16,46
2007	62.764,7	12.710,0	20,25
2008	80.713,8	15.973,6	19,79
2009	69.948,8	15.411,3	22,03
2010	84.838,6	20.203,6	23,81
2011	106.749,8	24.866,4	23,29
2012	113.780,4	29.035,0	25,52
2013	132.032,6	36.886,5	27,94
2014	148.000,0	43.710,6	29,53
2015	165.650,0	49.520,0	29,89
2016	174.110,0	49.930,0	28,70
2017	211.100,0	58.500,0	27,71

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

ĐỒ THỊ: CÁN CÂN THƯƠNG MẠI VIỆT NAM - TRUNG QUỐC GIAI ĐOẠN 2005-2017

Đơn vị tính: triệu USD

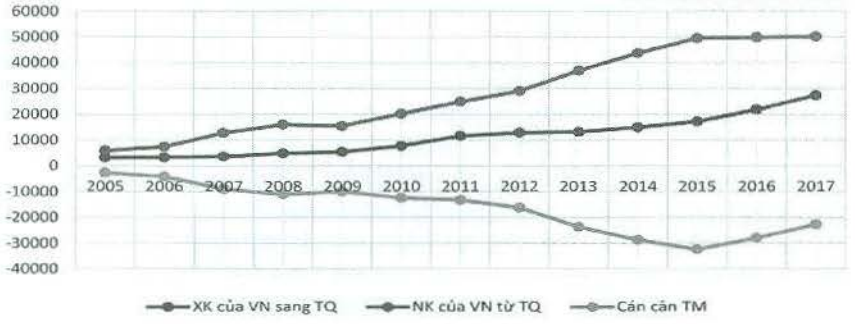

Nguồn: Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan

không tốt tới quỹ tài nguyên đang dần trở nên hạn hẹp của Việt Nam (đặc biệt là với nhóm nguyên liệu thô).

Về phương thức và xu hướng xuất khẩu

Theo Bộ Công Thương, hàng hóa Việt Nam xuất khẩu sang Trung Quốc được thực hiện theo các phương thức, như: chính ngạch, tiểu ngạch, tạm nhập tái xuất, quá cảnh, chuyển khẩu. Hàng hóa xuất khẩu (chủ yếu là nông, lâm sản) có xuất xứ Việt Nam qua các cửa khẩu biên giới ngày càng giảm dần. Hàng tạm nhập tái xuất, chuyển khẩu, kho ngoại quan có xu hướng gia tăng.

Trên thực tế, dù với phương thức xuất khẩu nào, thương nhân Trung Quốc luôn nắm thế chủ động. Ngược lại, doanh nghiệp Việt Nam thường phải chấp nhận giao dịch kiểu "giữ khách", nên thường gặp nhiều bất lợi và rủi ro.

Tình hình nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ Trung Quốc

Về quy mô và tăng trưởng nhập khẩu

Trung Quốc hiện là thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất cho nước ta. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam từ thị trường này tăng liên tục trong thời gian qua (Bảng 2). Tỷ trọng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc trong tổng kim ngạch nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam khá cao và đang có xu hướng tăng nhanh, từ 16,05% năm 2005 lên 27,71% năm 2017, cho thấy vị trí quan trọng của Trung Quốc trong số các đối tác thương mại chủ chốt của Việt Nam.

Về cơ cấu nhập khẩu

Cơ cấu hàng hóa nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc chủ yếu là hàng trung gian (công nghiệp hỗ trợ cho dệt may, da giày, điện tử...), hàng hóa vốn (các loại máy móc thiết bị, công nghệ, cây, con giống, phân bón, thức ăn gia súc...). Một số loại hàng hóa Việt Nam nhập khẩu nhiều từ Trung Quốc bao gồm: thiết bị điện, điện tử; máy móc; sắt và thép; sợi nhân tạo; nhôm và sản phẩm từ nhôm; xe và phụ tùng; phụ kiện ngành may; nhựa và các sản phẩm từ nhựa; dệt kim, sợi, bông, hóa chất...

Về phương thức và xu hướng nhập khẩu

Nhập khẩu của Việt Nam từ Trung Quốc cũng theo hai kênh chính là nhập khẩu chính ngạch và nhập khẩu tiểu ngạch. Nhập khẩu chính ngạch với các hàng hóa là nguyên, nhiên liệu đầu vào sản xuất và có giá trị lớn, như: thiết bị điện, điện tử, sắt thép, nhôm... Nhập khẩu tiểu ngạch chủ yếu với hàng tiêu dùng, hàng thực phẩm và một số nguyên phụ liệu giá trị nhỏ. Trong nhập khẩu hàng hóa từ Trung Quốc, Việt Nam vẫn có xu hướng nhập khẩu hàng hóa giá rẻ, chất lượng và nguồn gốc xuất xứ khó kiểm soát, đặc biệt với hàng tiêu dùng và hàng thực phẩm.

Về cán cân thương mại

Tổng hợp từ số liệu của Tổng cục Thống kê và Tổng cục Hải quan, giai đoạn 2005-2016, tổng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa giữa Việt Nam và Trung Quốc đã tăng 7,88 lần, từ 9,128 tỷ USD năm 2005 lên 93,7 tỷ USD năm 2017, mức tăng trung bình hàng năm đạt 17,56%, trong đó mức tăng cao nhất vào năm 2007 với 53,81% (trong khi tốc độ tăng trung bình của tổng kim ngạch nhập khẩu của cả nước trong cùng kỳ là 14,21%/năm) (Đồ thị).

Năm 2010, Trung Quốc lần đầu tiên chính thức trở thành đối tác thương mại lớn nhất của Việt Nam (kim ngạch buôn bán hai chiều đạt 27,328 tỷ USD). Việt Nam trở thành bạn hàng lớn thứ 5 của Trung Quốc trong khối các nước ASEAN. Từ năm 2015-2017, Trung Quốc là thị trường xuất khẩu lớn thứ 2 của Việt Nam (sau Mỹ) và là thị trường cung cấp hàng hóa lớn nhất của nước ta. Tỷ trọng kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc trong tổng

kim ngạch xuất - nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam tăng từ 13,19% năm 2005 lên 22,04% năm 2017.

Từ năm 2005 đến 2017, Việt Nam liên tục nhập siêu từ thị trường Trung Quốc. Cán cân thương mại của Việt Nam liên tục thâm hụt, mức độ thâm hụt có xu hướng tăng khá nhanh. Năm 2005, cán cân thương mại của Việt Nam với Trung Quốc thâm hụt 2,67 tỷ USD, đến năm 2017, mức thâm hụt đạt 22,765 tỷ USD. Đây cũng là nguyên nhân chính dẫn đến thâm hụt trong cán cân thương mại của nước ta trong thời kỳ này.

NHỮNG VẤN ĐỀ ĐẶT RA

Thứ nhất, Việt Nam luôn nhập siêu lớn từ Trung Quốc và cũng khiến cho cán cân thương mại của Việt Nam thâm hụt trong nhiều năm qua. Bên cạnh đó, nhập siêu lớn với Trung Quốc còn dẫn đến hậu quả nước ta sẽ bị hạn chế trong khả năng tiếp cận công nghệ nguồn bởi hàng hóa nhập khẩu từ Trung Quốc hầu như không có nhóm hàng công nghệ cao, mà chủ yếu là sản phẩm nguyên phụ liệu sản xuất và sản phẩm nông nghiệp.

Thứ hai, cơ cấu hàng hóa xuất khẩu của Việt Nam sang Trung Quốc thể hiện tính thiếu bền vững và bất lợi cho Việt Nam vì xuất khẩu một khối lượng lớn hàng hóa, nhưng hiệu quả thu được thấp, hầu hết các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam (hàng dệt may, da giầy, máy vi tính sản phẩm điện tử, điện thoại...) đều phải dựa vào nhập khẩu nguyên phụ liệu, phụ kiện và thiết bị từ Trung Quốc, Hàn Quốc, Đài Loan... Để tăng kim ngạch xuất khẩu các mặt hàng này, Việt Nam đã buộc phải gia tăng nhập khẩu nguyên phụ liệu. Do vậy, những biến động từ đối tác này, nếu có, sẽ ảnh hưởng trực tiếp và tức thời tới thương mại Việt Nam, tới hoạt động sản xuất, kinh doanh của các doanh nghiệp với mức độ lớn, nhỏ khác nhau tùy thuộc vào từng ngành và lĩnh vực.

Thứ ba, cơ cấu nhập khẩu nhiều sản phẩm trung gian giá rẻ sẽ tác động tiêu cực đến phát triển công nghệp hỗ trợ trong nước, làm giảm động lực đầu tư vào công nghiệp hỗ trợ với công nghệ mới, sạch của các doanh nghiệp, cả trong nước và nước ngoài. Từ nguồn nguyên liệu đầu vào nhập khẩu từ Trung Quốc cũng cho thấy, các ngành Việt Nam có khả năng cạnh tranh với Trung Quốc chủ yếu là các sản phẩm giá trị gia tăng thấp, như: dệt may, giày dép, nhựa, gỗ, giấy, thép, sản phẩm phục vụ sản xuất nông nghiệp... Như vậy, nếu chính sách thương mại song phương không có sự chuyển biến, thì Việt Nam vẫn sẽ ở những nấc thang thấp nhất trong chuỗi giá trị hay mạng lưới sản xuất toàn cầu của nhiều mặt hàng chi phí thấp, sử dụng nhiều lao động (giá rẻ).

Cùng với tiến trình hội nhập kinh tế quốc tế, nhập khẩu nguyên liệu của các ngành xuất khẩu mũi nhọn từ Trung Quốc sẽ hạn chế khả năng tận dụng cơ hội khi tham gia vào các FTA thế hệ mới của Việt Nam.

Thứ tư, những bất cập từ thương mại tiểu ngạch giữa hai nước. Thương mại tiểu ngạch vẫn là một nội dung quan trọng trong quan hệ thương mại Việt Nam - Trung Quốc. Tuy nhiên, nông sản, trái cây tươi của Việt Nam khi xuất khẩu sang Trung Quốc theo đường tiểu ngạch gặp rất nhiều khó khăn và rủi ro, nhất là tình trạng thương nhân bán không có hợp đồng mua - bán với đối tác Trung Quốc, ồ ạt chở hàng lên biên giới khi vào vụ, khiến khả năng thông quan nhất thời không đáp ứng, giá cả bấp bênh, gây ùn tắc tại khu vực cửa khẩu, làm thiệt hại kinh tế, dư luận bức xúc, gây áp lực cho các cơ quan quản lý.

MỘT SỐ GIẢI PHÁP

Trong điều kiện và bối cảnh phát triển mới của mỗi nước, khu vực và toàn cầu, Việt Nam cần có những những đối sách và giải pháp hữu hiệu trong hoạt động xuất - nhập khẩu hàng hóa với Trung Quốc, cụ thể như sau:

Một là, cơ cấu lại hàng hóa xuất - nhập khẩu và tăng cường cam kết hội nhập, đa dạng hóa thị trường. Cụ thể là:

- Chuyển dịch cơ cấu hàng hóa xuất khẩu theo hướng gia tăng tỷ trọng hàng công nghiệp chế biến dựa vào lợi thế lao động và công nghệ, không ngừng mở rộng về quy mô, đồng thời nhanh chóng chuyển sang phát triển các ngành sản xuất xuất khẩu dựa vào vốn và kỹ thuật cao để gia tăng giá trị thay vì dựa vào xuất khẩu các mặt hàng có tính gia công, nguyên liệu thô, khoáng sản sang Trung Quốc. Đồng thời, tăng cường xuất khẩu các nhóm hàng có thế mạnh sang Trung Quốc, theo đó, định hướng, tăng cường, phát triển các sản phẩm có giá trị gia tăng cao, chú trọng đến bản quyền, thương hiệu sản phẩm trong nước (cần được đăng ký), đặc biệt với những hàng hóa truyền thống đã có tên tuổi. Mặt khác, cần hạn chế việc kinh doanh chênh lệch giá từ những thương lái Trung Quốc theo đường tiểu ngạch không chính thức...

- Rà soát lại tất cả các nhóm hàng hóa nhập khẩu giữa Việt Nam - Trung Quốc trên cơ sở mức thuế đã được cam kết giữa hai nước. Trước mắt, cần nhanh chóng điều chỉnh kịp thời một số loại hàng hóa mà Việt Nam nhập khẩu từ Trung Quốc có mức thuế thấp hơn so với mức đã cam kết, với giải pháp này có thể mang lại kết quả cải thiện cán cân thương mại trong thời kỳ tới.

Hai là, thúc đẩy phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ. Cụ thể cần:

- Tạo dựng môi trường đầu tư, khuyến khích phát triển sản xuất, kinh doanh thông qua việc khuyến khích

xây dựng các khu công nghiệp sản xuất linh kiện, phụ tùng, nguyên vật liệu phụ trợ công nghệ cao cho các ngành công nghiệp. Mặt khác, Nhà nước cần có chính sách để phát triển công nghiệp hỗ trợ với những ưu đãi về thuế, giảm hoặc bãi bỏ thuế nhập khẩu đánh vào các linh kiện chưa sản xuất được trong nước nhằm giảm giá thành sản phẩm lắp ráp.

- Nhà nước cần hệ thống hóa các giải pháp về xây dựng kết cấu hạ tầng để phát triển công nghiệp hỗ trợ. Tập trung hoàn thiện hệ thống kết cấu hạ tầng trọng điểm về giao thông, vận tải, như: giao thông đô thị, bến cảng, đường sắt, đường bộ, sân bay... nhằm gia tăng điều kiện cho phát triển công nghiệp.

- Doanh nghiệp Việt Nam không nên phân tán lực lượng sản xuất, cần tập trung phát triển các ngành công nghiệp hỗ trợ mũi nhọn, như: dệt may, giày dép... và lắp ráp (xe máy, ôtô, thiết bị điện và điện tử). Đối với các ngành Việt Nam chưa đủ điều kiện để phát triển thì nên thu hẹp quy mô hoặc chuyển đổi sang hoạt động ở ngành khác.

- Các doanh nghiệp Việt Nam cần tăng cường liên kết giữa công nghiệp hỗ trợ với các ngành kinh tế khác nhằm nâng cao chất lượng nguyên liệu đầu vào từ đó cải thiện được chất lượng của sản phẩm đầu ra. Đồng thời, nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm, tập trung vào giá cả, chất lượng, chủng loại; đẩy mạnh xúc tiến thương mại, tăng cường xuất khẩu sang Trung Quốc.

Ba là, hoàn thiện chính sách quản lý hoạt động xuất - nhập khẩu. Cụ thể:

- Đối với xuất khẩu: Nhà nước cần có chính sách khuyến khích các doanh nghiệp nâng cao giá trị gia tăng trong sản phẩm xuất khẩu, cần thông tin và hướng dẫn về kỹ thuật thường xuyên cho các doanh nghiệp xuất khẩu để có thể hưởng lợi tối đa từ các FTA, như: Hiệp định Thương mại tự do ASEAN - Trung Quốc (ACFTA) và Hiệp định thương mại tự do ASEAN - Hồng Kông (Trung Quốc) (AHKFTA). Việt Nam cần đầu tư đổi mới công nghệ nhằm tăng dần tỷ trọng hàng hóa xuất khẩu đã qua chế biến; giảm dần tỷ trọng sản phẩm thô, gia công rẻ như: dệt may, da giày...

- Đối với nhập khẩu: Chính phủ Việt Nam cần tăng cường hoàn thiện hệ thống pháp luật về xuất - nhập khẩu, đặc biệt là giải pháp về thuế. Bởi Việt Nam khi tham gia vào chuỗi giá trị toàn cầu, được nhận sự ưu đãi về thuế, song các quốc gia khác, đặc biệt là Trung Quốc với lợi thế hàng hóa rẻ, đa dạng mẫu mã, phong phú về chủng loại và lợi thế địa lý láng giềng... thông qua nhập khẩu gây cạnh tranh cao với hàng hóa nội địa.

Việt Nam tiếp tục rà soát, sửa đổi, bổ sung liên tục các danh mục hàng hóa nhập khẩu. Đồng thời công khai các quy định về tiêu chuẩn để các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài nắm bắt đối thông tin đối với từng nhóm mặt hàng cụ thể. Hoàn thiện và xây dựng hệ thống tiêu chuẩn đối với công nghệ nhập khẩu, sử dụng các tiêu chuẩn về môi trường, vệ sinh an toàn thực phẩm, các tiêu chuẩn ISO để hạn chế nhập khẩu công nghệ lạc hậu, công nghệ cũ, hàng hóa không sạch, thải loại từ Trung Quốc. Hạn chế, quản lý chặt chẽ hàng nhập khẩu, không khuyến khích tiêu dùng hàng xa xỉ vận chuyển vào Việt Nam thông qua hàng không và hạn chế cho vay tiêu dùng những hàng này; quản lý thông qua thuế, phí và các thủ tục nhập khẩu.

Bốn là, Nhà nước cân đối tỷ giá ở mức phù hợp

Thâm hụt thương mại cao gây nên rất nhiều rủi ro cho nền kinh tế và gây sức ép mạnh lên tỷ giá. Do vậy, Việt Nam cần tiếp tục duy trì chính sách tỷ giá hợp lý để Ngân hàng Nhà nước điều chỉnh tỷ giá một cách phù hợp với cân đối vĩ mô trước diễn biến giảm giá đồng Nhân dân tệ đầu tháng 08/2019 trong cuộc chiến tranh thương mại Hoa Kỳ - Trung Quốc hiện nay, diễn biến lạm phát của thị trường tiền tệ; giảm lãi suất cho vay phù hợp với điều kiện kinh tế vĩ mô; ổn định và phát triển thị trường ngoại tệ, tiếp tục tăng dự trữ ngoại hối nhà nước, linh hoạt trong cung cầu tránh gây biến động cho nền kinh tế, góp phần khuyến khích xuất khẩu trong ngắn hạn và trung hạn, không đặt vấn đề kích thích xuất khẩu bằng công cụ phá giá và nới lỏng quản lý ngoại hối.❑

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Tổng cục Hải quan (2019). *Tình hình xuất khẩu, nhập khẩu hàng hóa của Việt Nam 5 tháng năm 2019*

2. Tổng cục Thống kê (1996-2018). *Niên giám Thống kê từ năm 1996 đến 2017*, Nxb Thống kê

3. Tổng cục Thống kê (2018). *Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018*

4. Lê Thị Kim Chung (2014). Tình hình kinh tế Việt Nam sau khi gia nhập WTO nhìn từ thực trạng nhập khẩu hàng hóa, *Tạp chí Kinh tế và Phát triển*, số 206, tháng 08/2014

5. Lê Quang Lân (2010). *Việt Nam trong quá trình hình thành các Khu vực Mậu dịch tự do ASEAN mở rộng*, tham luận trình bày tại Hội thảo Đánh giá tác động các FTA tự do đối với kinh tế Việt Nam, Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 01/09/2010